TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1630/2025/DS-PT
Ngày: 18/12/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1083/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6646/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22022/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1984; địa chỉ: số A, đường B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ: số B khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2024), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Vĩnh P, sinh năm 1979 và bà Huỳnh Thị Thủy T1, sinh năm 1979; địa chỉ: số E, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1972; địa chỉ: D, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Bùi Xuân N, sinh năm 1983; địa chỉ: số F khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bà T2, ông N là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2025).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Võ Quang T trình bày:

Do chỗ quen biết, kinh doanh từ tháng 05/2019 đến 08/2020, bà Lê Thị Kim A cung cấp hải sản cho bà Huỳnh Thị Thủy T1 và ông Trịnh Vĩnh P để nấu suất ăn công nghiệp. Số tiền hàng và số tiền đã thanh toán được bà Huỳnh Thị Thủy T1 và ông Trịnh Vĩnh P thống kê bằng bảng tính, có chữ ký xác nhận trả tiền của bà Huỳnh Thị Thủy T1 và ông Trịnh Vĩnh P được dựa theo các hóa đơn thanh toán được lập giữa các bên.

Đến ngày 22/10/2020 số tiền còn lại là 1.455.635.500 đồng hai bên thống nhất là bà Lê Thị Kim A sẽ không cung cấp hàng hải sản nữa, bà Huỳnh Thị Thủy T1 và ông Trịnh Vĩnh P sẽ trả dần hàng tháng cho đến khi hoàn thành việc trả nợ số tiền trên. Sau nhiều lần trả tiền cụ thể như sau:

Ngày 19/11/2020, trả 70.000.000 đồng.

Ngày 21/12/2020, trả 30.000.000 đồng.

Ngày 19/01/2021, trả 70.000.000 đồng bà A có ký nhận.

Ngày 19/02/2021, trả 70.000.000 đồng bà T1 ký giao.

Ngày 26/03/2021, trả 60.000.000 đồng bà T1 ký giao.

Ngày 07/05/2021, trả 60.000.000 đồng bà T1 ký giao.

Ngày 10/06/2021, trả 30.000.000 đồng bà T1 ký giao.

Ngày 29/09/2022, trả 40.000.000 đồng ông P ký giao.

Tổng số tiền đến ngày 29/9/2022 bà T1 và ông P đã thanh toán là 430.000.000 đồng, nên số tiền còn lại phải trả là 1.025.635.500 đồng, từ ngày 30/09/2022 trở về sau này thì bà Huỳnh Thị Thủy T1 và ông Trịnh Vĩnh P không trả cho bà A nữa dù bà A liên tục gọi điện đòi trả nợ tiền hàng. Số tiền nợ này, bà A phải vay mượn nhiều nơi để cung cấp hàng cho bà T1, ông P dẫn đến bà A mất khả năng thanh toán. Buộc bà Huỳnh Thị Thủy T1 và ông Trịnh Vĩnh P phải có trách nhiệm hoàn trả lại bà Lê Thị Kim A thanh toán 1.025.635.500 đồng tiền mua bán hải sản để bị đơn chế biến suất ăn công nghiệp và khoản lãi phát sinh chậm thanh toán 1,66%/ tháng trên số tiền là 1.025.635.500 đồng x 1,66% từ tháng

10/2022 đến tháng 4 năm 2025 là 510.766.479 đồng. Yêu cầu ông P, bà T1 thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp tài liệu tính tiền được pho to từ mặt giấy ô ly.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy ủy quyền (bản chính); thông báo yêu cầu trả nợ (bản chính); Vận đơn (bản pho to); 25 phiếu chi (bản pho to).

Bị đơn ông Trịnh Vĩnh P và bà Huỳnh Thị Thủy T1 đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông P bà T1 không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị Kim A đối với bị đơn ông Trịnh Vĩnh P, bà Huỳnh Thị Thủy T1 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa về việc trả số tiền 1.025.635.500 đồng tiền gốc và 510.766.479 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.536.401.979 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền là 1.076.320.635 đồng; trong đó nợ gốc là 785.635.500 đồng, nợ lãi là 290.685.135 đồng. Nguyên đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không tiến hành thu thập mẫu chữ ký đối chiếu và giám định chữ ký của bị đơn ông Trịnh Vĩnh P. Đồng thời, nguyên đơn cung cấp thêm các chứng cứ mới là hóa đơn bán lẻ, lời khai của ông Nguyễn Hữu T3 và đề nghị Tòa án triệu tập ông T3 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị triệu tập ông Nguyễn Hữu T3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét, tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của Bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị".* Như vậy, phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định viện dẫn trên là chỉ xem xét lại phần của Bản án sơ thẩm mà nguyên đơn kháng cáo. Theo Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông T3 vào tham gia tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ triệu tập.

Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng, ông T3 là nhân viên quán của bị đơn và là người trực tiếp nhận hàng theo các hóa đơn bán lẻ khi bà A giao hàng. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T3 là người được ông P, bà T1 ủy quyền giao nhận hàng, cũng như không có tài liệu chứng minh ông T3 là người lao động thuộc quyền quản lý của ông P, bà T1 (như hợp đồng lao động, bảng chi trả lương…). Do đó, không có căn cứ xác định ông Nguyễn Hữu T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Theo Bản án sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.025.635.500 đồng nợ gốc và 510.766.479 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.536.401.979 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền là 1.076.320.635 đồng, trong đó nợ gốc là 785.635.500 đồng và nợ lãi là 290.685.135 đồng. Xét, như đã phân tích, phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chỉ xem xét lại phần của Bản án sơ thẩm mà nguyên đơn kháng cáo. Trong trường hợp này, tại cấp phúc thẩm, đối với những yêu cầu mà Bản án sơ thẩm đã xem xét, nguyên đơn có quyền rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện khi các đương sự tự thương lượng, thỏa thuận với nhau tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[4] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, do không tống đạt được các văn bản tố tụng trực tiếp cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn cư trú tại địa chỉ do nguyên đơn xác định, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo trên phương tiện thông

tin đại chúng là không có căn cứ, vì việc áp dụng điều luật trên chỉ thực hiện trong trường hợp việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo.

[5] Nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh giao dịch mua bán hải sản và trong quá trình mua bán, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.025.635.500 đồng nợ gốc. Để chứng minh, nguyên đơn cung cấp 25 bản photo có tiêu đề "Phiếu chi", 01 bản photo có tiêu đề "Tiền hàng cá 6", 04 trang giấy ô ly cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm và các hóa đơn bán lẻ cung cấp tại cấp phúc thẩm.

[6] Xét, các tài liệu do nguyên đơn xuất trình không thể hiện rõ nội dung giao dịch, không thể hiện cụ thể đối tượng, số lượng, đơn giá, thời điểm giao dịch hoặc chữ ký xác nhận của bị đơn. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng Tòa án có nghĩa vụ đối chiếu chữ ký của bị đơn hoặc yêu cầu nguyên đơn cung cấp chữ ký bị đơn để đối chiếu, giám định. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Các tài liệu do nguyên đơn cung cấp chỉ là bản viết tay và các bản photo không được công chứng, chứng thực, đồng thời bị đơn không thừa nhận, nên không có giá trị chứng minh theo quy định tại Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn phải là người có nghĩa vụ chứng minh tính xác thực và hợp pháp của chứng cứ. Do đó, các tài liệu do nguyên đơn xuất trình không đủ căn cứ để xác định số tiền nợ cũng như việc áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng như yêu cầu. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim A.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí phúc thẩm: bà Lê Thị Kim A phải chịu số tiền 300.000 đồng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0016489 ngày 10/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (13), 72.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết